

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:
Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.
Tel : (84.4) 3824 1990 / 1
Fax: (84.4) 3825 3973
E-mail: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:
Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2
Quận Tân Bình - TP. HCM
Tel : (84.8) 3848 5983 - 3848 5776
Fax: (84.8) 3547 1838

VPĐD tại Quảng Ninh:
Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ
TP. Hạ Long - Quảng Ninh
Tel : (84.33) 3627571
Fax: (84.33) 3627572
E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
INPACT
INTERNATIONAL NETWORK OF
PROFESSIONAL ACCOUNTANTS

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015011 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 28/UBCK-GPHĐKD ngày 15 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2 - Tòa nhà Opera - 6B Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thạc Thanh	Ủy viên
Ông Trần Văn Phòng	Ủy viên
Ông Hoàng Quang Thành	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn



Số: 296 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội được lập ngày 01 tháng 03 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và kết luận quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Tổng Giám đốc



Ngô Đức Đoàn
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Kiểm toán viên

Trần Quang Mão
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.689.668.121	36.987.631.897
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	15.074.302.595	25.301.899.860
111	1. Tiền		15.074.302.595	25.301.899.860
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.013.941.800	3.516.400.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.600.432.900	4.949.400.900
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(1.586.491.100)	(1.433.000.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.044.271.744	4.140.571.040
131	1. Phải thu của khách hàng		42.734.393	87.077.393
132	2. Trả trước cho người bán		1.161.420.601	1.204.086.034
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7	7.386.703	19.923.877
138	5. Các khoản phải thu khác	8	1.832.730.047	2.829.483.736
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.557.151.982	4.028.760.097
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.202.935	2.700.009
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		35.457.163	7.394.356
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.509.491.884	4.018.665.732
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.442.278.902	7.508.231.406
220	II. Tài sản cố định		5.718.392.502	5.972.890.547
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.721.842.543	5.510.194.171
222	- Nguyên giá		7.724.157.868	7.451.708.345
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.002.315.325)	(1.941.514.174)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	996.549.959	462.696.376
228	- Nguyên giá		1.607.496.000	907.496.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(610.946.041)	(444.799.624)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.723.886.400	1.535.340.859
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	821.261.850	782.879.357
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	339.966.954	213.942.279
268	4. Tài sản dài hạn khác		562.657.596	538.519.223
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		29.131.947.023	44.495.863.303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		13.453.875.238	22.840.755.260
310	I. Nợ ngắn hạn		13.423.965.238	22.840.755.260
312	2. Phải trả người bán		753.600.000	106.472.246
313	3. Người mua trả tiền trước		103.000.000	156.950.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	43.415.116	17.074.147
315	5. Phải trả người lao động		221.594.444	478.326.973
316	6. Chi phí phải trả	14	40.000.000	60.239.736
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	312.340.098	158.869.521
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	12.395.092.840	22.307.899.897
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(445.077.260)	(445.077.260)
330	II. Nợ dài hạn		29.910.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		29.910.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.678.071.785	21.655.108.043
410	I. Vốn chủ sở hữu		15.678.071.785	21.655.108.043
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	50.000.000.000	50.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		79.306.624	79.306.624
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(34.401.234.839)	(28.424.198.581)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		29.131.947.023	44.495.863.303

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		128.943.500.000	84.338.110.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		128.133.300.000	83.214.200.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.153.410.000	1.349.580.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		126.469.950.000	81.767.820.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		509.940.000	96.800.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		810.200.000	1.123.910.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		810.200.000	777.350.000
015	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	346.560.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.350.130.000	3.115.550.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		3.350.130.000	3.115.550.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.350.130.000	3.115.550.000

Người lập

Trần Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Hoàng Kim Trang

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	5.115.523.512	6.759.516.550
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.707.047.797	3.232.832.456
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		245.552.100	1.405.198.340
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	6.810.798
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		310.790.730	552.811.513
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	21.309.091
01.9	Doanh thu khác		1.852.132.885	1.540.554.352
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		5.115.523.512	6.759.516.550
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	2.655.635.061	4.726.994.335
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.459.888.451	2.032.522.215
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	8.443.983.700	7.502.501.109
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.984.095.249)	(5.469.978.894)
31	8. Thu nhập khác		7.058.991	4.920.175
40	10. Lợi nhuận khác		7.058.991	4.920.175
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.977.036.258)	(5.465.058.719)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.977.036.258)	(5.465.058.719)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(1.195)	(1.093)

Người lập

Kế toán trưởng




Trần Thanh Huyền

Hoàng Kim Trang



Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		321.247.867	3.226.374.801
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(2.603.700.244)	(8.944.458.221)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(126.024.675)	(62.872.235)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		760.858.074.775	657.613.775.377
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(737.923.296.002)	(631.637.491.622)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(587.423.067)	(707.002.092)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(3.391.025.582)	(3.305.650.688)
14	12. Tiền thu khác		36.634.167.279	39.075.890.891
15	13. Tiền chi khác		(64.764.473.334)	(44.402.295.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(11.582.452.983)	10.856.270.611
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(272.449.523)	(334.655.276)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.627.305.241	1.686.236.269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.354.855.718	1.351.580.993
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		155.176.176	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(155.176.176)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.227.597.265)	12.207.851.604
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		25.301.899.860	13.094.048.256
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	15.074.302.595	25.301.899.860

3-C/11
VĂN
TỔNG
TOÁN
và 1P

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trần Thanh Huyền

Hoàng Kim Trang

Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Năm 2010

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Quy dự phòng tài chính	79.306.624	79.306.624	-	-	-	-	79.306.624	79.306.624
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(22.959.139.862)	(28.424.198.581)	-	-	(5.465.058.719)	(5.977.036.258)	(28.424.198.581)	(34.401.234.839)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	27.120.166.762	21.655.108.043	-	-	(5.465.058.719)	(5.977.036.258)	21.655.108.043	15.678.071.785

Người lập

Trần Thanh Huyền

Trần Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Hoàng Kim Trang

Hoàng Kim Trang



Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2011
 Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015011 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 28/UBCK-GPHĐKD ngày 15 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2 - Tòa nhà Opera - 6B Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng). Tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015011 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 28/UBCK-GPHĐKD ngày 15 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Theo Công văn số 33 ngày 26 tháng 02 năm 2009, Công ty đã gửi UBCK Nhà nước về việc rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Tính từ thời điểm 31/03/2009, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

22031
CÔNG
TỔ CHỨNG
KHÓA
HÀ NỘI
CH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
TOÁN

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	41.300	2.419.638.000
- Cổ phiếu	41.300	2.419.638.000
Của người đầu tư	40.671.803	1.164.819.065.700
- Cổ phiếu	40.671.803	1.164.819.065.700
	<u>40.713.103</u>	<u>1.167.238.703.700</u>

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền	15.074.302.595	25.301.899.860
- Tiền mặt tại quỹ	2.380.867.046	1.324.831.861
- Tiền gửi ngân hàng	95.312.987	371.762.413
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	12.598.122.562	23.605.305.586
	<u>15.074.302.595</u>	<u>25.301.899.860</u>

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	3.600.432.900	4.949.400.900
- Chứng khoán niêm yết	3.600.432.900	4.095.183.900
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	854.217.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(1.586.491.100)	(1.433.000.000)
	<u>2.013.941.800</u>	<u>3.516.400.900</u>

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2010.

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng, giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Cổ phiếu	115.341	134.958	3.600.432.900	4.949.400.900	(1.586.471.100)	(1.432.347.000)	1.981.759.800	2.591.536.900	
- ACB	79	79	2.393.900	2.393.900	(371.500)	537.000	2.022.400	2.930.900	
- BVH	-	15.000	-	1.086.500.000	-	(627.500.000)	-	459.000.000	
- V12	35.239	35.239	854.217.000	854.217.000	(357.347.100)	-	496.869.900	-	
- V15	52.550	60.550	1.497.675.000	1.725.675.000	(509.735.000)	(405.685.000)	987.940.000	1.319.990.000	
- VC1	10	10	400.000	400.000	20.000	.116.000	420.000	516.000	
- VC6	200	200	12.000.000	12.000.000	(8.320.000)	(5.720.000)	3.680.000	6.280.000	
- VC9	17.800	17.800	658.569.000	658.569.000	(345.289.000)	(90.749.000)	313.280.000	567.820.000	
- VCB	5.463	5.000	542.976.000	538.346.000	(365.428.500)	(303.346.000)	177.547.500	235.000.000	
- PVI	100	1.080	5.482.000	71.300.000	-	-	-	-	
- TGP	3.900	-	26.720.000	-	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG	115.341	134.958	3.600.432.900	4.949.400.900	(1.586.471.100)	(1.432.347.000)	1.981.759.800	2.591.536.900	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tầng 2 - Tòa nhà Opera - 6B Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

7 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	7.386.703	19.923.877
	7.386.703	19.923.877

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu cá nhân lãi TK góp vốn khi phong tỏa	1.078.960.000	1.078.960.000
Phải thu tiền mua quyền nhận tiền bán chứng khoán	634.800.000	1.748.738.736
Phải thu khác	118.970.047	1.785.000
	1.832.730.047	2.829.483.736

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.259.207.274	3.647.045.000	1.545.456.071	7.451.708.345
Số tăng trong năm	232.617.705	-	39.831.818	272.449.523
- Mua sắm mới	232.617.705	-	39.831.818	272.449.523
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.491.824.979	3.647.045.000	1.585.287.889	7.724.157.868
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	495.614.890	698.885.038	747.014.246	1.941.514.174
Số tăng trong năm	334.144.860	366.069.000	360.587.291	1.060.801.151
- Trích khấu hao	334.144.860	366.069.000	360.587.291	1.060.801.151
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	829.759.750	1.064.954.038	1.107.601.537	3.002.315.325
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	1.763.592.384	2.948.159.962	798.441.825	5.510.194.171
Cuối năm	1.662.065.229	2.582.090.962	477.686.352	4.721.842.543

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	907.496.000	907.496.000
Số tăng trong năm	700.000.000	700.000.000
- Mua sắm mới	700.000.000	700.000.000
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.607.496.000</u>	<u>1.607.496.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	444.799.624	444.799.624
Số tăng trong năm	166.146.417	166.146.417
- Trích khấu hao	166.146.417	166.146.417
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>610.946.041</u>	<u>610.946.041</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Đầu năm	462.696.376	462.696.376
Cuối năm	<u>996.549.959</u>	<u>996.549.959</u>

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
50.000.000.000	Nguyên giá	9.331.653.868	0,19
	Khấu hao	(3.613.261.366)	
	Giá trị còn lại	5.718.392.502	0,11

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Số dư đầu năm	782.879.357	965.974.892
Số tăng trong năm	653.692.000	829.330.545
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(615.309.507)	(1.012.426.080)
Số dư cuối năm	<u>821.261.850</u>	<u>782.879.357</u>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	29.559.203
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.998.486	33.374.271
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	-	66.914.742
Chi phí trả trước dài hạn khác	814.263.364	653.031.141
	821.261.850	782.879.357

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	188.416.603	85.739.533
Tiền lãi phân bổ trong năm	31.550.351	8.202.746
Số cuối năm	339.966.954	213.942.279

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân (của nhà đầu tư)	43.415.116	17.074.147
	43.415.116	17.074.147

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí giao dịch phải trả	-	60.239.736
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2010	40.000.000	-
	40.000.000	60.239.736

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	38.386.184	26.917.600
Bảo hiểm xã hội	-	180.000
Bảo hiểm y tế	-	280.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	70.000
Phải trả về tiền nhà đầu tư tham gia đấu giá	44.310.000	110.408.000
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	184.610.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.033.914	21.013.921
	312.340.098	158.869.521

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	12.395.092.840	22.307.899.897
	12.395.092.840	22.307.899.897

17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.115.523.512	6.759.516.550
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.707.047.797	3.232.832.456
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	245.552.100	1.405.198.340
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	6.810.798
- Doanh thu hoạt động tư vấn	310.790.730	552.811.513
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	21.309.091
- Doanh thu khác	1.852.132.885	1.540.554.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	5.115.523.512	6.759.516.550

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	376.474.347	425.914.348
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	213.500.000	1.112.148.300
Chi phí hoạt động tư vấn	-	145.955.572
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	-	19.909.218
Chi phí dự phòng	153.491.100	373.686.000
Chi phí khác	-	481.836.435
Chi phí trực tiếp chung	1.912.169.614	2.167.544.462
- Chi phí nhân viên	1.051.317.543	1.291.735.498
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	5.952.106	114.865.809
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.406.895	70.687.152
- Chi phí khác bằng tiền	791.493.070	690.256.003
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.655.635.061	4.726.994.335

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.486.215.333	2.301.856.251
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	119.400.719	308.271.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.540.673	1.214.524.897
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.866.288.073	2.667.958.159
Chi phí khác bằng tiền	805.538.902	1.006.890.523
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.443.983.700	7.502.501.109

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.977.036.258)	(5.465.058.719)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(243.252.100)	(271.216.340)
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(243.252.100)	(271.216.340)
Tổng thu nhập chịu thuế	(6.220.288.358)	(5.736.275.059)
Chuyển lỗ năm trước	(5.736.275.059)	-
Thu nhập tính thuế	(11.956.563.417)	(5.736.275.059)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(5.977.036.258)	(5.465.058.719)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.977.036.258)	(5.465.058.719)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.195)	(1.093)

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
Tầng 2 - Tòa nhà Opera - 6B Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.707.047.797	2.300.000	310.790.730	2.095.384.985	5.115.523.512
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(5.984.095.249)
Tổng chi phí mua tài sản cố định	920.776.796	-	27.990.909	23.681.818	972.449.523
Tài sản bộ phận	339.966.954	3.600.432.900	-	-	3.940.399.854
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	24.219.097.646
Tổng tài sản	1.260.743.750	3.600.432.900	27.990.909	23.681.818	29.131.947.023
Nợ phải trả của các bộ phận	12.395.092.840	-	-	-	12.395.092.840
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.058.782.398
Tổng nợ phải trả	12.395.092.840	-	-	-	13.453.875.238

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam



25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục Nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục Vốn chủ sở hữu.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	22.840.755.260	23.285.832.520
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(445.077.260)	-
Vốn chủ sở hữu	400	21.655.108.043	21.210.030.783

Người lập

Trần Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Hoàng Kim Trang

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn

